

DÒNG BÚA TGX



Dòng búa TG

[Đặt hàng](#)

[Hotline](#)

[Chat zalo](#)

[Whatsapp](#)

[Facebook](#)

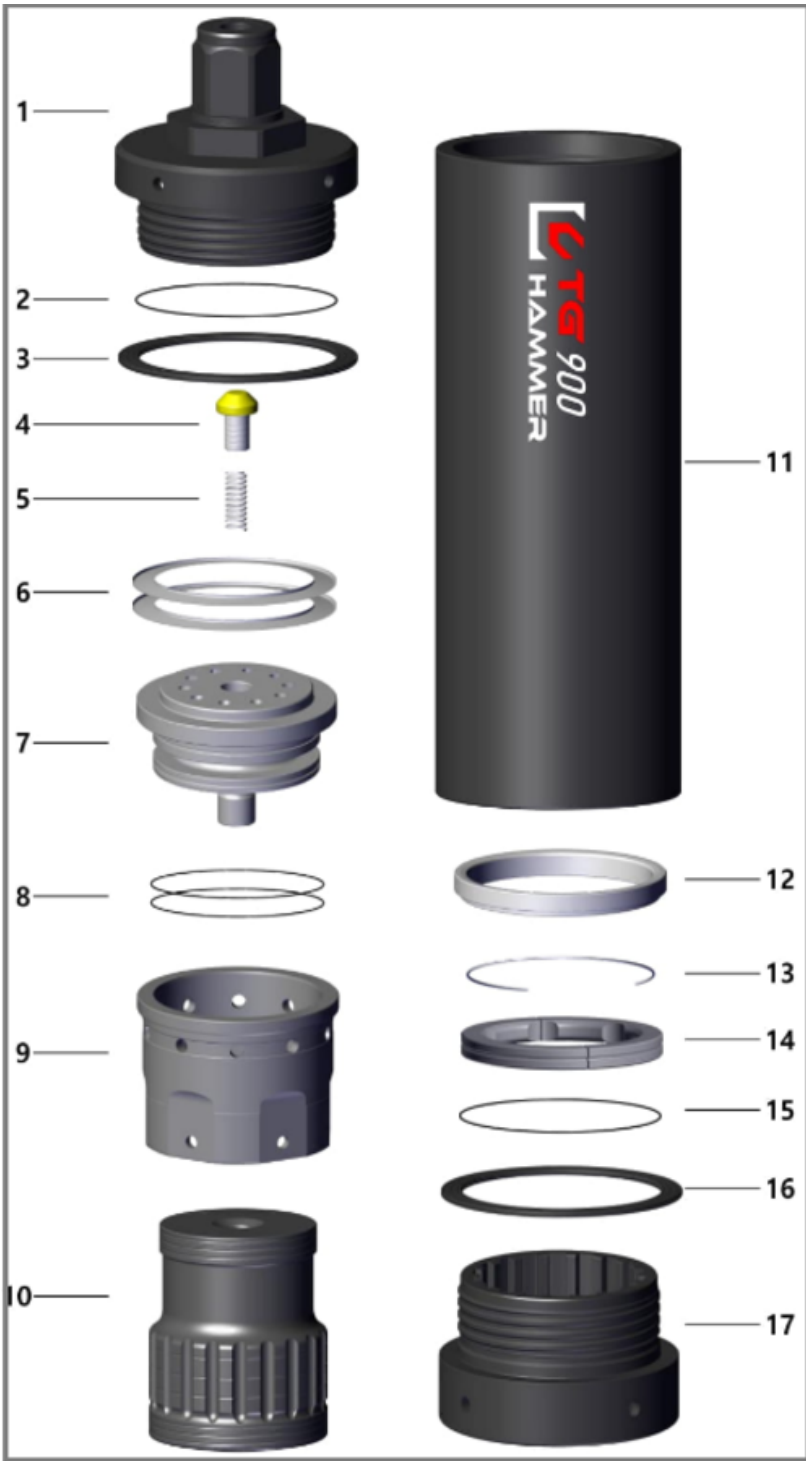
- Búa TG là dòng thiết kế búa khoan lỗ mới nhất.
- Trong các thử nghiệm gần đây, seri búa TG cho thấy cải tiến rõ rệt về lực và chất lượng khoan ngày càng hiệu quả.

TÍNH NĂNG- LỢI ÍCH

- Thiết kế mang lại hiệu suất cung cấp tối đa năng lượng đầu ra.
- Cung cấp giải pháp giải quyết các lỗ khoan kích thước lớn hơn.
- Quy trình kiểm soát chất lượng đảm bảo tối ưu độ bền.
- Quy trình lắp ráp, bảo trì đơn giản.
- Cơ cấu bắt mũi khoan cải tiến.

CẤU TẠO





NO.	PART NO.	PART NAME	Q'TY
1	TG90M-1-T	TOP SUB (HEX 300)	1
2	TG90M-1-TO	TOP SUB O-RING	1
3	TG90M-1-TW	TOP SUB WASHER	1
4	TG90M-1-V	CHECK VALVE	1
5	TG90M-1-VS	CHECK VALVE SPRING	1
6	TG90M-1-HD	DISC SPRING	2
7	TG90M-1-D	AIR DISTRIBUTOR	1
8	TG90M-1-DO	AIR DISTRIBUTOR O-RING	2
9	TG90M-1-L	CYLINDER	1
10	TG90M-G-P	PISTON	1
11	TG90M-G-C	CASE	1
12	TG90M-G-B	BEARING	1
13	TG90M-1-S	STOP RING	1
14	TG90M-G-R	BIT RETAINER RING	1
15	TG90M-G-RO	BIT RETAINER RING O-RING	1
16	TG90M-1-KW	DRIVER CHUCK WASHER	1
17	TG90M-G-K	DRIVER CHUCK	1

1. DÒNG BÚA NHỎ



MODEL	TG35	TG40	TG45
Khớp nối	API 2 3/8" Reg. Pin	API 2 3/8" Reg. Pin	API 3 1/2" Reg. Pin
Thân mũi khoan	DHD3.5	DHD340	DHD345
Đảo chiều	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	93 - 105 mm (3 2/3 - 4 1/7 in)	105 - 127 mm (4 1/7 - 5 in)	130 - 152 mm (5 1/8 - 6 in)
Đường kính ngoài	85 mm (3.35 in)	98 mm (3.86 in)	118 mm (4.65 in)
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	797.0 mm (31.4 in)	961.1 mm (37.8 in)	1081.0 mm (42.5 in)
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	25.2 kg (55.6 lbs)	39.7 kg (87.5 lbs)	61.5 kg (135.5 lbs)
Kích thước đầu nối (mm)	40 x 67 AF	40 x 74 AF	40 x 80 AF
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]			
10.3 BAR / 150 PSI	5.2 (185)	7.2 (254)	8.5 (300)
13.8 BAR / 200 PSI	7.3 (257)	9.3 (325)	11.0 (389)
17.2 BAR / 250 PSI	9.2 (324)	11.1 (394)	13.5 (478)
20.7 BAR / 300 PSI	11.7 (409)	13.4 (468)	16.5 (582)
24.1 BAR / 350 PSI	13.9 (490)	15.3 (540)	19.0 (671)
Phụ kiện tùy chọn có sẵn			
Thân mũi khoan		TD40 / SD4 / QL40	TD45 / SD4.5 / QL45

2. DÒNG BÚA TRUNG



MODEL	TG100L	TG100N	TG100D
Khớp nối	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp
Thân mũi khoan	SD10	SD10	SD10
Đảo chiều	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	251 - 305 mm (9 7/8 - 12 in)	251 - 305 mm (9 7/8 - 12 in)	300 - 445 mm (11 7/8 - 17 1/2 in)
Đường kính ngoài	225 mm (8.86 in)	225 mm (8.86 in)	264 mm (10.39 in)
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	1387.0 mm (54.6 in)	1487.0 mm (58.5 in)	1615.0 mm (63.6 in)
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	310.3 kg (684.1 lbs)	336.5 kg (741.9 lbs)	494.0 kg (1090.0 lbs)
Kích thước đầu nối (mm)	70 x 165 AF	70 x 165 AF	70 x 165 AF
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]			
10.3 BAR / 150 PSI	24.5 (865)	25.2 (890)	23.5 (835)
13.8 BAR / 200 PSI	29.6 (1045)	30.9 (1090)	32.5 (1150)
17.2 BAR / 250 PSI	32.8 (1160)	34.0 (1200)	43.5 (1535)
Phụ kiện tùy chọn có sẵn			
Thân mũi khoan	N100	N100	N120 / D100

3. DÒNG BÚA LỚN



MODEL	TG450N	TG450S	TG450D
Khớp nối	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp
Thân mũi khoan	TG450	TG450	TG450
Đảo chiều	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	460 - 660 mm (18 1/9 - 26 in)	460 - 660 mm (18 1/9 - 26 in)	610 - 850 mm (24 - 33 1/2 in)
Đường kính ngoài	415 mm (16.34 in)	415 mm (16.34 in)	530 mm (20.87 in)
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	1872.0 mm (73.7 in)	2065.0 mm (81.3 in)	1872.0 mm (73.7 in)
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	1474.9 kg (3251.7 lbs)	1656.9 kg (3652.8 lbs)	2375.0 kg (5236.0 lbs)
Kích thước đầu nối (mm)	50 x 370 AF / 4-ø40	50 x 370 AF / 4-ø40	54 x 480 AF / 4-ø40
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]			
6.9 BAR / 100 PSI	45.0 (1590)	46.4 (1640)	62.5 (2210)

10.3 BAR / 150 PSI	64.7 (2285)	66.2 (2340)	96
13.8 BAR / 200 PSI	85.2 (3010)	89.5 (3160)	130
Phụ kiện tùy chọn có sẵn			
Thân mũi khoan	N180 / SD18 / QL200	N180 / SD18	7

Sản phẩm liên quan

Hiện nay không có các mục tin tức.